

Số: 14075 /TTr-UBND

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

a) Đối với nguồn vốn xây dựng cơ bản (XDCB) cấp tỉnh quản lý

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tổng nguồn XDCB toàn tỉnh là 12.109,442 tỷ đồng, trong đó cấp tỉnh là 9.335,992 tỷ đồng và cấp huyện là 2.773,45 tỷ đồng.

Qua rà soát, tổng nguồn XDCB tập trung 05 năm giai đoạn 2021-2025 thực tế là 12.041,063 tỷ đồng, trong đó cấp tỉnh là 9.843,026 tỷ đồng¹ và cấp huyện là 2.198,037 tỷ đồng². Vì vậy cần điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn XDCB là 68,379 tỷ đồng (trong đó cấp tỉnh tăng 507,034 tỷ đồng và cấp huyện giảm 575,413 tỷ đồng) để đảm bảo phù hợp với kế hoạch giao thực tế trong giai đoạn 2021-2025.

Nguồn XDCB cấp huyện giai đoạn 2021-2025 giảm 575,413 tỷ đồng so với kế hoạch ban đầu một phần nguyên nhân là do năm 2021 bị hụt thu 213,669 tỷ đồng do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, đồng thời trong giai đoạn 2023-2025 tập trung bố trí nguồn XDCB cấp tỉnh để dự kiến nguồn vốn cho danh mục dự án trọng điểm giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 22/12/2023 của Tỉnh ủy.

b) Đối với nguồn vốn xổ số kiến thiết (XSKT)

¹ Năm 2021 là 1.333,34 tỷ đồng; năm 2022 là 1.333,34 tỷ đồng; năm 2023 là 2.255.206 tỷ đồng; năm 2024 là 2.259,353 tỷ đồng; năm 2025 là 2.661,787 tỷ đồng.

² Năm 2021 là 278,331 tỷ đồng (số HĐND tỉnh giao đầu năm 2021 là 492 tỷ đồng; tuy nhiên do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên nguồn XDCB hụt thu 213,669 tỷ đồng); năm 2022 là 492 tỷ đồng; năm 2023 là 492 tỷ đồng; năm 2024 là 467,853 tỷ đồng; năm 2025 là 467,853 tỷ đồng.

Qua rà soát, tổng nguồn XSKT 05 năm giai đoạn 2021-2025 thực tế là 1.240 tỷ đồng³, tăng 50 tỷ đồng so với kế hoạch dự kiến theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh.

c) Đối với nguồn trái phiếu chính quyền địa phương

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn trái phiếu chính quyền địa phương dự kiến phát hành là 1.430 tỷ đồng.

Tuy nhiên, căn cứ công văn số 8222/BKHĐT-TH ngày 08/10/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2025, nguồn trái phiếu chính quyền địa phương năm 2025 dự kiến được Trung ương giao là 1.383,7 tỷ đồng⁴, giảm 46,3 tỷ đồng so với kế hoạch dự kiến tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh.

Tổng hợp các nguồn điều chỉnh tăng/giảm kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn XDCB, nguồn XSKT, nguồn trái phiếu chính quyền địa phương), tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh là 43.338,077 tỷ đồng, giảm 64,679 tỷ đồng so với kế hoạch dự kiến tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh.

(Chi tiết theo Phụ lục 1 kèm theo).

2. Dự kiến điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025

2.1. Nguyên tắc điều chỉnh

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn trung hạn của các dự án phù hợp với các quyết định phê duyệt dự án và tiến độ triển khai thực tế của dự án.

- Bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn cho các dự án đầu tư công đã được HĐND các cấp phê duyệt chủ trương đầu tư theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; bổ sung nguồn vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; bổ sung nguồn vốn cho nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Khánh Hòa đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065; bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện theo khoản 2 Điều 62 Luật Đầu tư công.

2.2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý

Bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý cho các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ chi đầu tư khác và bổ sung nguồn dự phòng trung hạn là 2.352,687 tỷ đồng từ các nguồn: (1) Nguồn điều chỉnh giảm kế hoạch vốn trung hạn của các dự án là

³ Năm 2021 là 240 tỷ đồng; năm 2022 là 200 tỷ đồng; năm 2023 là 220 tỷ đồng; năm 2024 là 265 tỷ đồng; năm 2025 là 315 tỷ đồng.

⁴ Dự kiến bố trí cho các dự án: (1) Dự án Chinh trị hạ lưu sông Tắc (giai đoạn II): 200 tỷ đồng; (2) Dự án thành phần 1 thuộc Dự án xây dựng Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh: 250 tỷ đồng; (3) Dự án Nâng cấp, mở rộng Cải tuyến Tỉnh lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1): 250 tỷ đồng; (4) Nâng cấp mở rộng đường Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa: 150 tỷ đồng; (5) Dự án Khu tái định cư Vạn Thắng - Giai đoạn 1: 533,7 tỷ đồng.

1.841,953 tỷ đồng; (2) Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý bổ sung trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 510,734 tỷ đồng⁵.

Cụ thể bố trí như sau:

(1) Bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án đã được HĐND các cấp phê duyệt chủ trương đầu tư là 129,027 tỷ đồng, cụ thể như sau:

a) Dự án Sửa chữa, nâng cấp Hồ Đá Bàn: đề xuất bổ sung kế hoạch trung hạn 2021-2025 là 10 tỷ đồng. Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 06/11/2024 với thông tin như sau:

- Mục tiêu đầu tư: Nhằm đảm bảo an toàn, cải thiện năng lực hồ chứa, cấp nước bổ sung để tăng thêm diện tích tưới cho nông nghiệp, đặc biệt vùng thường xuyên khô hạn; tạo nguồn cấp nước cho dân sinh, công nghiệp và dịch vụ cho Khu kinh tế Vân Phong và các khu vực khác trên địa bàn thị xã Ninh Hòa, giảm lũ vùng hạ du hồ, đảm bảo dòng chảy môi trường, góp phần ổn định, phát triển kinh tế - xã hội địa phương, phát triển du lịch, đảm bảo đời sống cho người dân trên địa bàn.

- Quy mô đầu tư: Sửa chữa, nâng cấp các hạng mục công trình đầu mối (đập đất, cống, tràn và công trình phụ trợ) nhằm đảm bảo an toàn hồ chứa và vùng hạ du, cải thiện năng lực hồ chứa và bổ sung đường ống cấp nước tưới cho 180ha đất nông nghiệp.

- Tổng mức đầu tư dự án: 400 tỷ đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh.

b) Dự án Xây dựng Cầu Huyện 2 và đường dẫn: đề xuất bổ sung kế hoạch trung hạn 2021-2025 là 29,3 tỷ đồng. Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 08/12/2020. Dự án đã được bố trí kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh là 130 tỷ đồng (ngân sách tỉnh 10 tỷ đồng và NSTW 120 tỷ đồng). Tuy nhiên, do có sự điều chỉnh về chi phí GPMB làm tăng tổng mức đầu tư dự án, HĐND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 với nguồn vốn tỉnh điều chỉnh là 39,3 tỷ đồng (tăng 29,3 tỷ đồng). Các thông tin chính của dự án như sau:

- Mục tiêu đầu tư: Hình thành tuyến đường ven biển là trục đường động lực vừa đáp ứng nhu cầu giao thông, góp phần phát triển hạ tầng khu dân cư, phát triển không gian phía Bắc của thị trấn Vạn Giã, vừa tạo cảnh quan ven biển, ngăn chặn tình trạng xâm thực biển, chống sạt lở, bảo vệ môi trường. Đồng thời, khai thác triệt để và sử dụng hiệu quả tiềm năng của quỹ đất ven biển dọc theo tuyến đường, đảm bảo sự phát triển lâu dài cho khu dân cư phù hợp với quy hoạch chung của huyện.

⁵ Trong đó: nguồn XDCB tập trung cấp tỉnh quản lý tăng 507,034 tỷ đồng; nguồn XSKT tăng 50 tỷ đồng và nguồn Trái phiếu chính quyền địa phương giảm 46,3 tỷ đồng.

chạy) + 2 x 1,5 (lề bộ hành + lan can) = 11m; kết cấu móng, trụ bằng BTCT đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi, sử dụng đầm BTCT dự ứng lực với chiều dài : L = 24m. Phần đường dẫn 02 đầu cầu: Phía móng hướng ra QL1A có mặt cắt ngang đường 12m (gồm xe chạy + vỉa hè); kết cấu mặt đường bê tông nhựa, vỉa hè lát gạch Terrazzo, chiều dài vượt nối chuyển tiếp vào cầu (mố M1) là 20m; tổng chiều dài xây dựng đường dẫn vào cầu là L = 50m (tiếp giáp tới móng cầu); Phía móng vượt nối vào đường dân sinh hiện hữu có mặt cắt ngang đường 6m (xe chạy + lề), kết cấu mặt đường bê tông nhựa, lề gia cố bê tông xi măng; chiều dài vượt nối chuyển tiếp vào cầu (mố M2) là 20m; tổng chiều dài xây dựng đường dẫn vào cầu là 90m (tiếp giáp tới móng cầu); đường nhánh lê cầu phía mố M2 có mặt cắt ngang 5m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa, lề gia cố bê tông xi măng, vượt nối đường nhánh cải tạo độ dốc có chiều dài là 71m. Hệ thống điện chiếu sáng, an toàn giao thông và nút giao thông hoàn chỉnh.

- Tổng mức đầu tư dự án: 14,2 tỷ đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh.

k) Cầu Suối Đãng, xã Diên Hòa: đề xuất bổ sung kế hoạch trung hạn 2021-2025 là 14,5 tỷ đồng. Dự án đã được HĐND huyện Diên Khánh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 01/11/2024 với thông tin như sau:

- Mục tiêu đầu tư: Xây dựng cầu mới kết nối với QL 27C thành trục đường chính nối với Tỉnh lộ 2; hoàn thiện hạ tầng giao thông theo Chương trình phát triển đô thị.

- Quy mô đầu tư: Tổng chiều dài 800m (kể cả đường dẫn), cầu có chiều dài 20m, gồm 02 nhịp, mỗi nhịp 10m, khẩu độ cầu 8m; trong đó: 02 làn xe x 3,5m = 7m, gờ lan can 02 bên x 0,5m = 01m; kết cấu BTCT; móng, mố, trụ cầu: Mố dạng chữ U, trụ cầu đặc, thân hẹp, mặt cầu bằng BTCT, đặt trên nền móng cọc BTCT; đường dẫn 02 đầu cầu có nền rộng 7,5m; mặt đường 5,5m; kết cấu bằng bê tông nhựa, dưới lớp móng cấp phối đá dăm; hệ thống điện chiếu sáng và thoát nước mưa hoàn chỉnh.

- Tổng mức đầu tư dự án: 14,5 tỷ đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh.

(2) Bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư khu vực mở rộng dải cây xanh cách ly thuộc Cụm công nghiệp Đắc Lộc là 2,388 tỷ đồng⁶.

(3) Bổ sung nguồn vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh là 87,9 tỷ đồng.

⁶ Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu vực mở rộng dải cây xanh cách ly thuộc Cụm công nghiệp Đắc Lộc được UBND thành phố Nha Trang phê duyệt phương án với tổng kinh phí là 26.383.962.208 đồng. Ngân sách tỉnh đã bố trí kế hoạch vốn để chi trả là 26.460.000.000 đồng (theo các Quyết định số 3928/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 và 2309/QĐ-UBND ngày 11/8/2024 của UBND tỉnh). Kinh phí đã thực hiện chi trả tiền bồi thường 23.171.690.084 đồng và nhận bàn giao mặt bằng 39/43 hộ. Hiện còn 04 hộ dân chưa nhận tiền bồi thường với số tiền 2.387.051.009 đồng và chưa bàn giao mặt bằng. Ngày 16/01/2024, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Nha Trang đã hoàn trả tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ngân sách số tiền 2.387.051.009 đồng. Hiện nay, UBND thành phố Nha Trang đã ban hành các quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với 04 hộ dân; theo đó đã vận động được 01 hộ dân nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Vì vậy, để thực hiện các quyết định cưỡng chế và thực hiện chi trả cho các hộ dân, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Nha Trang đề nghị ngân sách tỉnh cấp lại số tiền 2.387.051.009 đồng.

(4) Bổ sung nguồn vốn cho nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Khánh Hòa đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 là 1,477 tỷ đồng.

(5) Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện là 61,37 tỷ đồng theo khoản 2 Điều 62 Luật Đầu tư công⁷.

(6) Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa là 407,5 tỷ đồng.

(7) Bổ sung nguồn vốn trung hạn cho Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 6,055 tỷ đồng theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh.

(8) Bổ sung nguồn dự phòng trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 1.656,97 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm).

3. Nguồn dự phòng trung hạn giai đoạn 2021-2025 chưa phân bổ

Qua rà soát, sau khi điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo các nội dung đã báo cáo nêu trên, nguồn dự phòng trung hạn giai đoạn 2021-2025 chưa phân bổ là 7.225,206 tỷ đồng, trong đó: nguồn vốn ngân sách tỉnh là 6.985,206 tỷ đồng, nguồn theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội là 240 tỷ đồng⁸ chưa phát sinh nguồn thu thực tế.

Nguồn vốn ngân sách tỉnh chưa phân bổ 6.985,206 tỷ đồng là nguồn tăng thu sử dụng đất giai đoạn 2023-2025⁹ được dự kiến tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Trong năm 2025, sau khi xác định cụ thể nguồn tăng thu sử dụng đất được dùng để bố trí cho nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, UBND tỉnh sẽ báo cáo HĐND tỉnh về việc điều chỉnh nguồn chưa phân bổ này cho phù hợp thực tế phát sinh.

Dự kiến nguồn dự phòng trung hạn giai đoạn 2021-2025 sẽ tập trung ưu tiên bố trí cho các dự án thuộc danh mục dự án trọng điểm theo Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 22/12/2023 của Tỉnh ủy hiện nay đang thực hiện thủ tục lập, thẩm

⁷ Trong đó:

- Thị xã Ninh Hòa 35,72 tỷ đồng (văn bản số 12392/UBND-KT ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình trên địa bàn thị xã Ninh Hòa; văn bản số 12488/UBND-KT ngày 04/11/2024 của UBND tỉnh về phương án hỗ trợ đầu tư các công trình theo đề nghị của UBND thị xã Ninh Hòa);
- Huyện Cam Lâm 18,65 tỷ đồng (văn bản số 12393/UBND-KT ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ đầu tư các công trình giao thông trên địa bàn xã Suối Cát và xã Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm);
- Thành phố Cam Ranh 7 tỷ đồng (văn bản số 11640/UBND-KT ngày 16/10/2024 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí để đầu tư các dự án trên địa bàn thành phố Cam Ranh).

⁸ Bao gồm Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW) là 100 tỷ đồng và nguồn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT là 140 tỷ đồng.

⁹ Căn cứ Nghị quyết Hội nghị chuyên đề Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII số 35-NQ/TU ngày 22/12/2023, Tỉnh ủy đã thống nhất chủ trương điều chỉnh danh mục các dự án đầu tư công trọng điểm giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 theo báo cáo đề xuất của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh tại Báo cáo số 615-BC/BCSD ngày 22/12/2023. Theo đó, nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh bổ sung giai đoạn 2023-2025 dự kiến là 12.570 tỷ đồng.

định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư như đã báo cáo tại mục II nêu trên, các dự án cấp thiết phát sinh theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền trong năm 2025.

4. Vốn thực hiện các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 – 2030

Tổng vốn chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh là 5.921,651 tỷ đồng (không bao gồm nguồn vốn Trung ương của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 dự kiến bố trí giai đoạn 2026-2030 thuộc thẩm quyền của Trung ương là 1.458,957 tỷ đồng), chiếm 14,8% tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025¹⁰, đảm bảo không vượt quá 20% theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Đầu tư công năm 2019: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân và người đứng đầu tổ chức quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án có thời gian thực hiện trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn liên tiếp phải bảo đảm tổng số giá trị tổng mức đầu tư của các chương trình, dự án phải thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau không vượt quá 20% tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đó”.

(Chi tiết theo Phụ lục 3 đính kèm).

5. Thẩm quyền quyết định

5.1. Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 83 Luật Đầu tư công 2019 quy định:

“Điều 83. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

...

2. Xem xét, cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu.

3. Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.”

5.2. Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ khoản 2 Điều 84 Luật Đầu tư công năm 2019

“Điều 84. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

....

2. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh các nội dung sau đây:

a) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách địa phương;

¹⁰ Tổng kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 39.993,727 tỷ đồng (không bao gồm nguồn vốn của Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 đã bố trí trong giai đoạn 2021-2025 là 3.344,35 tỷ đồng).

b) Xem xét, có ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật này;

c) Xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án do địa phương quản lý.”

6. Kiến nghị

Để có cơ sở triển khai thực hiện, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, phê duyệt Nghị quyết của HĐND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại kỳ họp thứ 16.

UBND tỉnh kính trình./.

(Gửi kèm:

- Phụ lục 1: Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025;
- Phụ lục 2: Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;
- Phụ lục 3: Dự kiến danh mục dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030;
- Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở: KHĐT, TC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuấn

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số 14075/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

Số TT	Nguồn vốn đầu tư công	Tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
	TỔNG SỐ	43.402.756	-64.679	43.338.077	
1	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	30.615.276	-18.379	30.596.897	
1.1	Nguồn XDCB tập trung	12.109.442	-68.379	12.041.063	
-	Cấp tỉnh quản lý	9.335.992	507.034	9.843.026	
-	Cấp huyện quản lý	2.773.450	-575.413	2.198.037	
1.2	Nguồn cấp quyền sử dụng đất	17.315.834	0	17.315.834	
-	Cấp tỉnh quản lý	14.029.734		14.029.734	
	<i>Trong đó: Nguồn thu SDD bổ sung giai đoạn 2023-2025</i>	<i>12.570.000</i>		<i>12.570.000</i>	
-	Cấp huyện quản lý	3.286.100		3.286.100	
1.3	Nguồn vốn XSKT	1.190.000	50.000	1.240.000	
2	Nguồn vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP	823.466		823.466	
3	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội	1.780.000	-46.300	1.733.700	
-	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	100.000		100.000	
-	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT Vân Phong	250.000		250.000	
-	Nguồn vốn từ nguồn bội chi NSDP (bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội)	1.430.000	-46.300	1.383.700	
4	Nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	1.522.720		1.522.720	
-	Cấp phát từ NSTW	701.054		701.054	Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 21/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ
-	Địa phương vay lại	821.666		821.666	

Số TT	Nguồn vốn đầu tư công	Tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
5	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ	8.728.251		8.728.251	
a	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (vốn trong nước)	7.908.251		7.908.251	
	Trong đó:				
-	Vốn Trung ương hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực	6.122.800		6.122.800	Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 29/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ (600 tỷ đồng nguồn tăng thu NSTW năm 2022)
-	Vốn Trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	833.251		833.251	Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022; Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ
-	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	952.200		952.200	Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ
b	Vốn từ nguồn dự phòng NSTW 2020	120.000		120.000	
c	Vốn từ nguồn dự phòng NSTW 2021	100.000		100.000	Quyết định số 2266/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ
d	Vốn từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi NSTW 2021	600.000		600.000	Quyết định số 258/QĐ-TTg ngày 30/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ (Giao vốn năm 2024 cho Dự án thành phần 1 của Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1)
6	Nguồn vốn Trung ương bị hủy do không giải ngân hết theo quy định	-66.957		-66.957	Vốn TW bị hủy của 02 dự án: Cảng cá động lực thuộc Trung tâm nghề cá lớn (giai đoạn 1) (bị hủy kế hoạch vốn là 21,875 tỷ đồng); Đường Quốc lộ 1A đi cầu Bến Miếu - đoạn Quốc lộ đến Tiểu đoàn 2-E23 (bị hủy kế hoạch vốn là 45,082 tỷ đồng) theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh

PHỤ LỤC 2

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số/HOJS/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CBNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			Vốn CBNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
								Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT			Nguồn bội chi NSDP (*)	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT			Nguồn bội chi NSDP (*)	Vốn CBNS địa phương		Vốn TW hỗ trợ
TỔNG SỐ						17.039.954	13.149.169	250.000	1.430.000	-64.679	-18.379	0	-46.300	16.975.275	13.130.790	2.110.785	250.000	1.383.700				
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ					14.266.504	10.375.719	250.000	1.430.000	510.734	557.034	0	-46.300	14.777.238	10.932.753	2.110.785	250.000	1.383.700				
I	Văn hóa thông tin					5.600	5.600	0	0	-100	-100	0	0	5.500	5.500	0	0	0				
1	Tu bổ di tích Đình Phong Thanh	Số VH TT	Ninh Hòa	2023-2025	148/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	2517/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.698	2.698	2.700	2.700					2.650	2.650						
2	Tu bổ di tích Miếu Hội đồng	Số VH TT	Ninh Hòa	2023-2025	147/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	2516/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.899	2.899	2.900	2.900					2.850	2.850						
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					450.000	150.000	0	300.000	-190.000	-90.000	0	-100.000	260.000	60.000	0	0	200.000				
1	Sửa chữa, nâng cấp Hồ Đá Bàn		Ninh Hòa	2025-2028	124/NQ-HĐND ngày 06/11/2024		400.000	400.000	0		10.000	10.000			10.000	10.000	0	0	0			
2	Chính trị hạ lưu sông Tác (giai đoạn II)	Ban QLDA ĐTXD CCT NN&PTNT	xã Vĩnh Thái, xã Phước Đồng, Nha Trang	2024-2027	110/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		600.000	600.000	450.000	150.000	300.000	-200.000	-100.000	250.000	50.000	0	0	200.000				
III	Giao thông					5.123.464	2.753.464	0	600.000	-391.653	-191.653	0	-200.000	4.731.811	2.561.811	1.770.000	0	400.000				
1	Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh		Diên Khánh, Nha Trang	2023-2027	06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023		1.496.435	1.096.435	400.000	847.000	597.000	200.000	0	847.000	547.000	50.000	0	250.000				
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	BQL DABT XD các CT GT	Diên Khánh, Nha Trang	2023-2027	06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023	1984/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	1.316.374	916.374	400.000	712.500	462.500	200.000	0	712.500	412.500	50.000	0	250.000				
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thành phố Nha Trang phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	UBND TP Nha Trang	Nha Trang		06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023		4.570	4.570	4.500	4.500				4.500	4.500	0	0	0				

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh					Ghi chú					
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CBNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương		Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương		Vốn TW hỗ trợ	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			
								Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA					Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bồi chi NSDP (*)					Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bồi chi NSDP (*)	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bồi chi NSDP (*)
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Diên Khánh phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	UBND huyện Diên Khánh	Diên Khánh		06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023	132.413	132.413		130.000	130.000				130.000	130.000	0	0	0							
2	Đường giao thông từ Quốc lộ 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	BQL DABT XD các CT GT	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2023-2027	92/2023/QĐ-HĐ ngày 20/6/2023	446/QĐ-UBND ngày 15/02/2024	1.930.000	930.000	1.000.000	1.121.994	121.994				1.121.994	121.994	1.000.000	0	0						
-	Dự án thành phần xây lắp thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT. 656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	BQL DABT XD các CT GT	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh		92/2023/QĐ-HĐ ngày 20/6/2023	446/QĐ-UBND ngày 15/02/2024	1.809.107			1.001.994	1.994				1.001.994	1.994	1.000.000	0	0						
-	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ tái định cư thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT. 656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	BQL DABT XD các CT GT	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2024-2025	92/2023/QĐ-HĐ ngày 20/6/2023	1864/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	120.399	120.399		120.000	120.000				120.000	120.000	0	0	0						
3	Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	BQL DABT XD các CT GT	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		875.749	875.749		400.000	400.000				400.000	400.000	0	0	0						
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT. 651G (đoạn 2)	BQL DABT XD các CT GT	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		605.800	605.800		250.000	250.000				250.000	250.000	0	0	0						
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Vạn Ninh phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT. 651G (đoạn 2)	UBND huyện Vạn Ninh	Vạn Ninh	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		85.402	85.402		50.000	50.000				50.000	50.000	0	0	0						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh					Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CBNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Vốn CBNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội					
								Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA			Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT					Nguồn bội chi NSDP (*)		Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thị xã Ninh Hòa phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT. 651G (đoạn 2)	UBND thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		184.547	184.547		100.000	100.000				100.000	100.000	0	0	0					
4	Đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đến thị xã Ninh Hòa		Ninh Hòa - Vạn Ninh	2024-2027	94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024		2.031.016	1.431.016	600.000	1.400.000	400.000	400.000	-350.000	50.000	-400.000	1.050.000	450.000	600.000	0	0				
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	BQL KKT Văn phòng	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2024-2027	94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024	1790/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	1.705.030	1.105.030	600.000	1.345.000	345.000	400.000	-600.000	-200.000	-400.000	745.000	145.000	600.000	0	0				
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn huyện Vạn Ninh phục vụ Dự án tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	UBND huyện Vạn Ninh	Vạn Ninh		94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024		230.357	230.357		35.000	35.000		190.000	190.000		225.000	225.000	0	0	0				
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn thị xã Ninh Hòa phục vụ Dự án tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	UBND thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa		94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024		95.618	95.618		20.000	20.000		60.000	60.000		80.000	80.000	0	0	0				
5	Nâng cấp mở rộng đường Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa	Ban QLDA ĐTXD CCT Giao thông	Thị xã Ninh Hòa	2024-2025	45/NQ-HĐND ngày 12/7/2024		865.481	865.481		860.000	860.000		0	-150.000	150.000	860.000	710.000	0	0	150.000				
6	Sửa chữa đường ĐT.656 (Tỉnh lộ 9)	Sở GTVT	Khánh Sơn	2024-2025	41/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	732/QĐ-SGTVT ngày 04/9/2024	6.559	6.559		7.000	7.000		-500	-500		6.500	6.500	0	0	0				
7	Xây dựng Cầu Huyện 2 và đường dẫn	UBND huyện Vạn Ninh	TT Vạn Giã và xã Vạn Thăng	2021-2025	91/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; 120/NQ-HĐND ngày 31/10/2024	2415/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	175.573	39.300	120.000	130.000	10.000		29.300	29.300		159.300	39.300	120.000	0	0				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CDNS địa phương	Trong đó:			Vốn CDNS địa phương	Trong đó:			Vốn CDNS địa phương	Trong đó:				
								Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA	Nguyên vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT			Nguồn bội chi NSDP (*)	Nguyên vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT			Nguồn bội chi NSDP (*)	Nguyên vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn bội chi NSDP (*)	
8	Xây dựng mới thay thế 03 cầu: Thác Ngựa, Sông Giang, Sông Chò trên tuyến Tỉnh lộ 8B, huyện Khánh Vĩnh	BQL DADT XD các CT GT	Khánh Vĩnh	2023-2025	28/NQ-HEND ngày 21/7/2023	1767/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	292.941	292.941		257.470	257.470			-83.970	-83.970			173.500	173.500				
9	Cầu qua sông Kim Bồng	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2021-2025	13/NQ-HEND ngày 09/7/2019	2955/QĐ-UBND ngày 30/10/2025; 3414/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	131.731	131.731		100.000	100.000			-30.083	-30.083			69.917	69.917				
10	Nâng cấp đường Diên Đông-Diên Xuân (đoạn từ Trường Mầm non đến đất bà Trang)		Xã Diên Đông, Diên Khánh	2024-2025	68/NQ-HEND ngày 01/11/2024		14.900	14.900						14.900	14.900			14.900	14.900	0	0	Văn bản số 9643/UBND-KT ngày 29/8/2024 và văn bản số 11229/UBND-KT ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh	
11	Cầu Hội Xương, xã Suối Hiệp		Xã Suối Hiệp, Diên Khánh	2024-2025	67/NQ-HEND ngày 01/11/2024		14.203	14.203						14.200	14.200			14.200	14.200	0	0	Văn bản số 9643/UBND-KT ngày 29/8/2024 và văn bản số 11229/UBND-KT ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh	
12	Cầu Suối Đàng, xã Diên Hòa		Xã Diên Hòa, Diên Khánh	2024-2025	69/NQ-HEND ngày 01/11/2024		14.500	14.500						14.500	14.500			14.500	14.500	0	0	Văn bản số 9643/UBND-KT ngày 29/8/2024 và văn bản số 11229/UBND-KT ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh	
IV	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế								530.000	120.000	210.000	200.000	2.388	52.388	-100.000	50.000	532.388	172.388	0	110.000	250.000		
1	Nâng cấp, mở rộng Cầu tuyến Tỉnh lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1)	BQL KKT Văn Phong	Ninh Hòa	2023-2026	70/NQ-HEND ngày 11/10/2023	223/QĐ-KKT ngày 24/7/2024	538.591	538.591		530.000	120.000	210.000	200.000	0	50.000	-100.000	50.000	530.000	170.000	0	110.000	250.000	
2	Bồi thường, hỗ trợ tái định cư khu vực mở rộng dải cây xanh cách ly thuộc Cụm công nghiệp Đắc Lộc	UBND TP Nha Trang	Nha Trang			3928/QĐ-UBND ngày 17/12/2018; 2309/QĐ-UBND ngày 11/8/2024	26.460	26.460						2.388	2.388			2.388	2.388	0	0	0	
V	Quản lý nhà nước								0	0	0	0	16.000	16.000	0	0	16.000	16.000	0	0	0		
1	Xây dựng mới Trụ sở Chi cục Chăn nuôi và Thú y		Nha Trang	2024-2025	126/NQ-HEND ngày 06/11/2024		14.989	14.989		0				14.500	14.500			14.500	14.500	0	0	0	
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm Công báo tỉnh Khánh Hòa		Nha Trang	2024-2025	127/NQ-HEND ngày 06/11/2024		1.551	1.551		0				1.500	1.500			1.500	1.500	0	0	0	
VI	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội								19.200	19.200	0	0	9.300	9.300	0	0	28.500	28.500	0	0	0		
1	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	Công an tỉnh	xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	2023-2025	54/NQ-HEND ngày 11/10/2023	2613/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.519	6.519		6.800	6.800			-300	-300			6.500	6.500	0	0	0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn CBNS địa phương	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)		Vốn CBNS địa phương	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)		Vốn CBNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		
																					Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn bội chi NSDP (*)
2	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	2023-2025	66/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2719/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	5.873	5.873	5.900	5.900			-100	-100			5.800	5.800	0	0	0		
3	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh	2023-2025	63/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2717/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	6.258	6.258	6.500	6.500			-300	-300			6.200	6.200	0	0	0		
4	Công trình SH4-KH2022	BCHQS tỉnh		2024-2027	53/NQ-HĐND ngày 31/10/2024		44.000	44.000					10.000	10.000			10.000	10.000	0	0	0		
VII	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư							1.994.300	1.664.300	0	330.000	-1.166.600	-1.370.300	0	203.700	827.700	294.000	0	0	533.700			
1	Di dời và tái định cư khu vực phía đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã	UBND huyện Vạn Ninh	thị trấn Vạn Giã, xã Vạn Thăng, huyện Vạn Ninh	2023-2025	111/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		261.007	261.007	261.000	61.000			200.000	-61.000	139.000		-200.000	200.000	200.000	0	0	0	
2	Khu tái định cư Vạn Thăng - Giai đoạn 1	UBND huyện Vạn Ninh	xã Vạn Thăng, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	2024-2025	112/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		1.408.000	1.408.000	1.408.000	1.338.000			70.000	-820.300	-1.284.000		463.700	587.700	54.000	0	0	533.700	
3	Mở rộng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Ninh Mã (giai đoạn 2)	UBND huyện Vạn Ninh	xã Vạn Thọ, huyện Vạn Ninh	2024-2025	133/NQ-HĐND ngày 14/12/2023		325.300	325.300	325.300	265.300			60.000	-295.300	-235.300		-60.000	30.000	30.000	0	0	0	
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái (giai đoạn 2)		Nha Trang	2024-2027	121/NQ-HĐND ngày 06/11/2024		303.996	303.996					10.000	10.000			10.000	10.000	0	0	0		
VIII	Lập quy hoạch tỉnh, các chính sách đầu tư công khác theo quy định							150.000	150.000	0	0	89.377	89.377	0	0	239.377	239.377	0	0	0			
1	Vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh							150.000	150.000				87.900	87.900			237.900	237.900	0	0	0		
2	Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Khánh Hòa đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065	Sở Xây dựng				2619/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	1.477	1.477	0				1.477	1.477			1.477	1.477	0	0	0		
IX	Đề án tổng thể giảm nghèo của 2 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh giai đoạn 2021-2025			2021-2025	3349/QĐ-UBND ngày 05/12/2022; 3350/QĐ-UBND ngày 05/12/2022			39.873	39.873	0	0	10.127	10.127	0	0	50.000	50.000	0	0	0			
	Huyện Khánh Sơn							39.873	39.873	0	0	10.127	10.127	0	0	50.000	50.000	0	0	0			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh				Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CBNS địa phương	Trong đó:		Vốn CBNS địa phương	Trong đó:		Vốn CBNS địa phương	Trong đó:							
								Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA			Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)		Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)	
1	Đập dâng Tô Hạp 1	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn	2023-2025	34/NQ-HĐND ngày 09/10/2023	3663/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	50.000	50.000		39.873	39.873			10.127	10.127			50.000	50.000	0	0	0		
X	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện													61.370	61.370	0	0	61.370	61.370	0	0	0		
1	Thị xã Ninh Hòa													35.720	35.720			35.720	35.720	0	0	0	văn bản số 12392/UBND-KT ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh; Tờ trình số 4424/TTr-UBND ngày 10/10/2024 của UBND TX Ninh Hòa; văn bản số 12488/UBND-KT ngày 04/11/2024 của UBND tỉnh; Tờ trình số 4310/TTr-UBND ngày 02/10/2024 của UBND TX Ninh Hòa	
2	Huyện Cam Lâm													18.650	18.650			18.650	18.650	0	0	0	văn bản số 12393/UBND-KT ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh; Tờ trình số 268/TTr-UBND ngày 09/10/2024 của UBND huyện Cam Lâm	
3	Thành phố Cam Ranh													7.000	7.000			7.000	7.000	0	0	0	văn bản số 11640/UBND-KT ngày 16/10/2024 của UBND tỉnh; Tờ trình số 315/TTr-UBND ngày 12/9/2024 của UBND TP Cam Ranh	
XI	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa													407.500	407.500			407.500	407.500	0	0	0		
XII	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa			2021-2025	32/NQ-HĐND ngày 30/6/2022; 20/NQ-HĐND ngày 02/6/2023; 05/NQ-HĐND ngày 28/3/2024; 123/NQ-HĐND ngày 06/11/2024				385.831	45.046				6.055	6.055			391.886	51.101	340.785	0	0	0	
XIII	Dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong kế hoạch trung hạn								5.568.236	5.428.236	40.000	0	1.656.970	1.556.970	100.000			7.225.206	6.985.206	0	140.000	0		
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (đầu tư theo các ngành, lĩnh vực, chương trình)								2.773.450	2.773.450	0	0	-575.413	-575.413	0	0	2.198.037	2.198.037	0	0	0	0		
1	Nguồn XDCB tập trung								2.773.450	2.773.450				-575.413	-575.413			2.198.037	2.198.037					

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh					Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CBNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			Vốn CBNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			Vốn CBNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ		Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		
								Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT			Nguồn bội chi NSDP (*)	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT					Nguồn bội chi NSDP (*)	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)
1	Thành phố Nha Trang							576.878	576.878			-202.447	-202.447		374.431	374.431							
2	Thành phố Cam Ranh							296.759	296.759			-50.639	-50.639		246.120	246.120							
3	Huyện Cam Lâm							277.345	277.345			-47.302	-47.302		230.043	230.043							
4	Huyện Diên Khánh							363.322	363.322			-61.484	-61.484		301.838	301.838							
5	Thị xã Ninh Hoà							404.924	404.924			-68.684	-68.684		336.240	336.240							
6	Huyện Vạn Ninh							310.626	310.626			-52.627	-52.627		257.999	257.999							
7	Huyện Khánh Vĩnh							313.400	313.400			-53.299	-53.299		260.101	260.101							
8	Huyện Khánh Sơn							230.196	230.196			-38.931	-38.931		191.265	191.265							

Ghi chú: (*) Nguồn bội chi ngân sách địa phương bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.

PHỤ LỤC 3

**DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2026-2030
(THỰC HIỆN TRONG 02 KỶ TRUNG HẠN LIÊN TIẾP)**

(Kèm theo Tờ trình số *110/TS* /TTr-UBND ngày *09* tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030			Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn CDNS địa phương		Vốn TW hỗ trợ
TỔNG SỐ									5.921.651	5.202.000	719.651			
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản								564.000	564.000	0			
	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>								564.000	564.000	0			
1	Chính trị hạ lưu sông Tác (giai đoạn II)	BQLDA ĐTKD các công trình NN&PTNT	xã Vĩnh Thái, xã Phước Đông, Nha Trang	2024-2027	110/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	600.000	600.000		250.000	340.000	340.000	0	Dự án trong điểm	
2	Kè và đường dọc bờ nam sông Cái, đoạn qua xã Diên An, huyện Diên Khánh	UBND huyện Diên Khánh	Diên An	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 15/5/2020, 16/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	244/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	325.000	100.000	70.000	72.334	97.000	97.000	0	
3	Kè Sông Cái (đoạn còn lại qua các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương)	UBND TP Nha Trang	xã Vĩnh Trung, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương	2022-2025	87/NQ-HĐND ngày 28/7/2021		300.000	137.000		0	127.000	127.000	0	
II	Giao thông									3.262.000	2.912.000	350.000		
	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>									3.262.000	2.912.000	350.000		
1	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh thuộc Dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	BQL DABT XD các CT GT	Diên Khánh, Nha Trang	2023-2027	06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023	1984/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	1.316.374	916.374	400.000	712.500	576.000	226.000	350.000	
2	Dự án thành phần xây lắp thuộc Dự án đường giao thông từ QL. 27C đến đường tỉnh ĐT. 656 tỉnh Khánh Hoà - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	BQL DABT XD các CT GT	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2023-2027	92/2023/QH15 ngày 20/6/2023	446/QĐ-UBND ngày 15/02/2024	1.809.107	809.107	1.000.000	1.001.994	794.000	794.000		
3	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT. 651G (đoạn 2)	BQL DABT XD các CT GT	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		605.800	605.800		250.958	340.000	340.000		
4	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Vạn Ninh phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT. 651G (đoạn 2)	UBND huyện Vạn Ninh	Vạn Ninh	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		85.402	85.402		50.318	30.000	30.000		
5	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thị xã Ninh Hòa phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT. 651G (đoạn 2)	UBND thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		184.547	184.547		100.000	80.000	80.000		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn CBNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	
6	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	BQL KKT Văn phòng	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2024-2027	94/NQ-HBND ngày 07/12/2023; 628/HBND-VP ngày 08/11/2024	1790/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	1.705.030	1.105.030	600.000	745.000	755.000	755.000	
7	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn thị xã Ninh Hòa phục vụ dự án Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	UBND thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa		94/NQ-HBND ngày 07/12/2023; 628/HBND-VP ngày 08/11/2024		95.618	95.618		80.000	10.000	10.000	
8	Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ sân bay Cam Ranh đến cầu Long Hồ	BQL DAĐT XD các CT GT	Cam Ranh	2021-2024	55/NQ-HBND ngày 29/9/2020	426/QĐ-UBND ngày 07/02/2024	99.943	99.943		65.642	20.000	20.000	
9	Xây dựng mới thay thế 03 cầu: Thác Ngựa, Sông Giang, Sông Chò trên tuyến Tỉnh lộ 8B, huyện Khánh Vĩnh	BQL DAĐT XD các CT GT	Khánh Vĩnh	2023-2025	28/NQ-HBND ngày 21/7/2023	1767/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	292.941	292.941		173.500	100.000	100.000	
10	Cầu qua sông Kim Bồng	BQL DA Phát triển tỉnh	Nhu Trang	2021-2025	13/NQ-HBND ngày 09/7/2019	2955/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 3414/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	131.731	131.731		69.917	57.000	57.000	
11	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Xiển	BQL DAĐT XD các CT GT	Nhu Trang	2024-2027	98/NQ-HBND ngày 08/12/2023		586.474	586.474		32.000	500.000	500.000	0
III	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế									609.651	240.000	369.651	
	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>									609.651	240.000	369.651	
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D (đoạn từ đường ĐT.652 đến Quốc lộ 26B)	BQL KKT Văn phòng	Ninh Hòa	2023-2026	80/NQ-HBND ngày 28/7/2021	182/QĐ-KKT ngày 31/10/2022	816.173	416.173	400.000	202.105	609.651	240.000	369.651
IV	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội									234.000	234.000	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>									234.000	234.000	0	
1	Xây dựng nơi ăn, nghỉ, kho, bến, bãi, khu vực neo đậu tàu thuyền cho Hải đội dân quân thường trực tỉnh Khánh Hòa	BCHQS tỉnh	xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	2024-2027	67/NQ-HBND ngày 12/7/2024		220.505	220.505		10.000	200.000	200.000	
2	Công trình SH4-KH2022			2024-2027	53/NQ-HBND ngày 31/10/2024		44.000	44.000		10.000	34.000	34.000	
V	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư									1.252.000	1.252.000	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030</i>									1.252.000	1.252.000	0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030			Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn CDNS địa phương		Vốn TW hỗ trợ
1	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2016-2026	03/NQ-HĐND ngày 31/3/2016	2273/QĐ-UBND ngày 5/8/2016; 3467/QĐ-UBND ngày 13/11/2018; 1480/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4301/QĐ-UBND ngày 26/11/2021; 3439/QĐ-UBND ngày 14/12/2022; 1653/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	161.748	161.748		129.166	32.000	32.000		
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	UBND TP Nha Trang	xã Vĩnh Trung, Vĩnh Thái, Nha Trang	2021-2025	94/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; 88/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	1868/QĐ-UBND ngày 08/8/2023; 2603/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	197.565	197.565		100.000	85.000	85.000		
3	Di dời và tái định cư khu vực phía đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã	UBND huyện Vạn Ninh	thị trấn Vạn Giã, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh	2023-2025	111/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		261.007	261.007		200.000	55.000	55.000		
4	Khu tái định cư Vạn Thắng - Giai đoạn 1	UBND huyện Vạn Ninh	xã Vạn Thắng, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	2024-2025	112/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		1.408.000	1.408.000		587.700	800.000	800.000		
5	Mở rộng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Ninh Mã (giai đoạn 2)	UBND huyện Vạn Ninh	xã Vạn Thọ, huyện Vạn Ninh	2024-2025	133/NQ-HĐND ngày 14/12/2023		325.300	325.300		30.000	280.000	280.000		

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2024 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Phụ lục 1, 2 đính kèm.

Điều 2. Giữ nguyên các nội dung khác của Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2023, Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023, Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2024, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11 tháng 6 năm 2024, Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024, Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 13 tháng 9 năm 2024, Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBTVQH, CP;
- Bộ TC, Bộ KHĐT;
- Ban thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, HDT, VN.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: triệu đồng.

Số TT	Nguồn vốn đầu tư công	Tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
	TỔNG SỐ	43.402.756	-64.679	43.338.077	
1	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	30.615.276	-18.379	30.596.897	
1.1	Nguồn XDCB tập trung	12.109.442	-68.379	12.041.063	
-	Cấp tỉnh quản lý	9.335.992	507.034	9.843.026	
-	Cấp huyện quản lý	2.773.450	-575.413	2.198.037	
1.2	Nguồn cấp quyền sử dụng đất	17.315.834	0	17.315.834	
-	Cấp tỉnh quản lý	14.029.734		14.029.734	
	<i>Trong đó: Nguồn thu SDD bổ sung giai đoạn 2023-2025</i>	12.570.000		12.570.000	
-	Cấp huyện quản lý	3.286.100		3.286.100	
1.3	Nguồn vốn XSKT	1.190.000	50.000	1.240.000	
2	Nguồn vốn từ nguồn tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi NSDP	823.466		823.466	
3	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội	1.780.000	-46.300	1.733.700	
-	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	100.000		100.000	
-	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT Vân Phong	250.000		250.000	
-	Nguồn vốn từ nguồn bội chi NSDP (bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội)	1.430.000	-46.300	1.383.700	
4	Nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	1.522.720		1.522.720	
-	Cấp phát từ NSTW	701.054		701.054	Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 21/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ
-	Địa phương vay lại	821.666		821.666	

Số TT	Nguồn vốn đầu tư công	Tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Tổng số kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
5	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ	8.728.251		8.728.251	
<i>a</i>	<i>Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu (vốn trong nước)</i>	7.908.251		7.908.251	
	Trong đó:				
-	Vốn Trung ương hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực	6.122.800		6.122.800	Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 29/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ (600 tỷ đồng nguồn tăng thu NSTW năm 2022)
-	Vốn Trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	833.251		833.251	Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022; Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ
-	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	952.200		952.200	Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ
<i>b</i>	<i>Vốn từ nguồn dự phòng NSTW 2020</i>	120.000		120.000	
<i>c</i>	<i>Vốn từ nguồn dự phòng NSTW 2021</i>	100.000		100.000	Quyết định số 2266/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ
<i>d</i>	<i>Vốn từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi NSTW 2021</i>	600.000		600.000	Quyết định số 258/QĐ-TTg ngày 30/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ (Giao vốn năm 2024 cho Dự án thành phần 1 của Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1)
6	Nguồn vốn Trung ương bị hủy do không giải ngân hết theo quy định	-66.957		-66.957	Vốn TW bị hủy của 02 dự án: Cảng cá động lực thuộc Trung tâm nghề cá lớn (giai đoạn 1) (bị hủy kế hoạch vốn là 21,875 tỷ đồng); Đường Quốc lộ 1A đi cầu Bến Miếu - đoạn Quốc lộ đến Tiểu đoàn 2-E23 (bị hủy kế hoạch vốn là 45,082 tỷ đồng) theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh

PHỤ LỤC 2
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội						
								Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA			Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT			Nguồn bội chi NSDP (*)		Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)		Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)
TỔNG SỐ						17.039.954	13.149.169	250.000	1.430.000	-64.679	-18.379	0	-46.300	16.975.275	13.130.790	2.110.785	250.000	1.383.700					
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ					14.266.504	10.375.719	250.000	1.430.000	510.734	557.034	0	-46.300	14.777.238	10.932.753	2.110.785	250.000	1.383.700					
I	Văn hóa thông tin					5.600	5.600	0	0	-100	-100	0	0	5.500	5.500	0	0	0					
1	Tu bổ di tích Đình Phong Thạnh	Số VHIT	Ninh Hòa	2023-2025	148/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	2517/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.698	2.698		2.700	2.700			-50	-50			2.650	2.650				
2	Tu bổ di tích Miếu Hội đồng	Số VHIT	Ninh Hòa	2023-2025	147/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	2516/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.899	2.899		2.900	2.900			-50	-50			2.850	2.850				
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									450.000	150.000	0	300.000	-190.000	-90.000	0	-100.000	260.000	60.000	0	0	200.000	
1	Sửa chữa, nâng cấp Hồ Đá Bàn		Ninh Hòa	2025-2028	124/NQ-HĐND ngày 06/11/2024		400.000	400.000		0				10.000	10.000			10.000	10.000	0	0	0	
2	Chính trị hạ lưu sông Tắc (giai đoạn II)	Ban QLDA ĐTXD CCT NN&PTNT	xã Vĩnh Thái, xã Phước Đông, Nha Trang	2024-2027	110/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		600.000	600.000		450.000	150.000		300.000	-200.000	-100.000		-100.000	250.000	50.000	0	0	200.000	
III	Giao thông									5.123.464	2.753.464	0	600.000	-391.653	-191.653	0	-200.000	4.731.811	2.561.811	1.770.000	0	400.000	
1	Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh		Diên Khánh, Nha Trang	2023-2027	06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023		1.496.435	1.096.435	400.000	847.000	597.000		200.000	0	-50.000	0	50.000	847.000	547.000	50.000	0	250.000	
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	BQL DADT XD các CT GT	Diên Khánh, Nha Trang	2023-2027	06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023	1984/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	1.316.374	916.374	400.000	712.500	462.500		200.000	0	-50.000		50.000	712.500	412.500	50.000	0	250.000	
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thành phố Nha Trang phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	UBND TP Nha Trang	Nha Trang		06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023		4.570	4.570		4.500	4.500							4.500	4.500	0	0	0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh					Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội		Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội					
								Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA			Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT				Nguồn bội chi NSDP (*)	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn bội chi NSDP (*)	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Diên Khánh phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	UBND huyện Diên Khánh	Diên Khánh		66/NQ-UBND ngày 30/3/2023		132.413	132.413		130.000	130.000				130.000	130.000	0	0	0				
2	Đường giao thông từ Quốc lộ 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	BQL DABT XD các CT GT	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2023-2027	92/2023/QH15 ngày 20/6/2023	446/QĐ-UBND ngày 15/02/2024	1.930.000	930.000	1.000.000	1.121.994	121.994				1.121.994	121.994	1.000.000	0	0				
-	Dự án thành phần xây lắp thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT 656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	BQL DABT XD các CT GT	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh		92/2023/QH15 ngày 20/6/2023	446/QĐ-UBND ngày 15/02/2024	1.809.107			1.001.994	1.994				1.001.994	1.994	1.000.000	0	0				
-	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ tái định cư thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT 656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	BQL DABT XD các CT GT	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2024-2025	92/2023/QH15 ngày 20/6/2023	1864/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	120.399	120.399		120.000	120.000				120.000	120.000	0	0	0				
3	Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	BQL DABT XD các CT GT	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-UBND ngày 21/7/2023		875.749	875.749		400.000	400.000				400.000	400.000	0	0	0				
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT. 651G (đoạn 2)	BQL DABT XD các CT GT	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-UBND ngày 21/7/2023		605.800	605.800		250.000	250.000				250.000	250.000	0	0	0				
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Vạn Ninh phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT. 651G (đoạn 2)	UBND huyện Vạn Ninh	Vạn Ninh	2023-2027	29/NQ-UBND ngày 21/7/2023		85.402	85.402		50.000	50.000				50.000	50.000	0	0	0				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh					Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)			Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)				Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn bội chi NSDP (*)	
								Vốn NS tỉnh														Vốn NSTW, ODA
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thị xã Ninh Hòa phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT. 651G (đoạn 2)	UBND thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-UBND ngày 21/7/2023	184.547	184.547	100.000	100.000				100.000	100.000	0	0	0					
4	Đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đến thị xã Ninh Hòa		Ninh Hòa - Vạn Ninh	2024-2027	94/NQ-UBND ngày 07/12/2023; 628/UBND-VP ngày 08/11/2024	2.031.016	1.431.016	600.000	1.400.000	400.000	400.000	-350.000	50.000	-400.000	1.050.000	450.000	600.000	0	0			
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	BQL KKT Văn phòng	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2024-2027	94/NQ-UBND ngày 07/12/2023; 628/UBND-VP ngày 08/11/2024	1.705.030	1.195.030	600.000	1.345.000	345.000	400.000	-600.000	-200.000	-400.000	745.000	145.000	600.000	0	0			
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn huyện Vạn Ninh phục vụ Dự án tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	UBND huyện Vạn Ninh	Vạn Ninh		94/NQ-UBND ngày 07/12/2023; 628/UBND-VP ngày 08/11/2024	230.357	230.357		35.000	35.000		190.000	190.000		225.000	225.000	0	0	0			
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn thị xã Ninh Hòa phục vụ Dự án tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	UBND thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa		94/NQ-UBND ngày 07/12/2023; 628/UBND-VP ngày 08/11/2024	95.618	95.618		20.000	20.000		60.000	60.000		80.000	80.000	0	0	0			
5	Nâng cấp mở rộng đường Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa	Ban QLDA ĐTXD CCT Giao thông	Thị xã Ninh Hòa	2024-2025	45/NQ-UBND ngày 12/7/2024	865.481	865.481		860.000	860.000		0	-150.000	150.000	860.000	710.000	0	0	150.000			
6	Sửa chữa đường ĐT.656 (Tỉnh lộ 9)	Sở GTVT	Khánh Sơn	2024-2025	41/NQ-UBND ngày 12/7/2024	6.559	6.559		7.000	7.000		-500	-500		6.500	6.500	0	0	0			
7	Xây dựng Cầu Huyện 2 và đường dẫn	UBND huyện Vạn Ninh	TT Vạn Giã và xã Vạn Thắng	2021-2025	91/NQ-UBND ngày 08/12/2020; 120/NQ-UBND ngày 31/10/2024	175.573	39.300	120.000	130.000	10.000		29.300	29.300		159.300	39.300	120.000	0	0			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
								Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT			Nguồn bội chi NSDP (*)	Vốn CDNS địa phương			Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT		Nguồn bội chi NSDP (*)	
8	Xây dựng mới thay thế 03 cầu: Thác Ngựa, Sóng Giang, Sóng Chò trên tuyến Tỉnh lộ 8B, huyện Khánh Vĩnh	BQL DADT XD các CT OT	Khánh Vĩnh	2023-2025	28/NQ-HEND ngày 21/7/2023	1767/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	292.941	292.941		257.470	257.470			-83.970	-83.970			173.500	173.500				
9	Cầu qua sông Kim Bông	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2021-2025	13/NQ-HEND ngày 09/7/2019	2955/QĐ-UBND ngày 30/10/2020, 3414/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	131.731	131.731		100.000	100.000			-30.083	-30.083			69.917	69.917				
10	Nâng cấp đường Diên Đồng-Diên Xuân (đoạn từ Trường Mầm non đến đất bà Trang)		Xã Diên Đồng, Diên Khánh	2024-2025	68/NQ-HEND ngày 01/11/2024		14.900	14.900						14.900	14.900			14.900	14.900	0	0	0	
11	Cầu Hội Xương, xã Suối Hiệp		Xã Suối Hiệp, Diên Khánh	2024-2025	67/NQ-HEND ngày 01/11/2024		14.203	14.203						14.200	14.200			14.200	14.200	0	0	0	
12	Cầu Suối Đàng, xã Diên Hòa		Xã Diên Hòa, Diên Khánh	2024-2025	69/NQ-HEND ngày 01/11/2024		14.500	14.500						14.500	14.500			14.500	14.500	0	0	0	
IV	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế									530.000	120.000	210.000	200.000	2.388	52.388	-100.000	50.000	532.388	172.388	0	110.000	250.000	
1	Nâng cấp, mở rộng Cầu tuyến Tỉnh lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1)	BQL KKT Văn Phong	Ninh Hòa	2023-2026	70/NQ-HEND ngày 11/10/2023	223/QĐ-KKCT ngày 24/7/2024	538.591	538.591		530.000	120.000	210.000	200.000	0	50.000	-100.000	50.000	530.000	170.000	0	110.000	250.000	
2	Bồi thường, hỗ trợ tái định cư khu vực mở rộng dải cây xanh cách ly thuộc Cụm công nghiệp Đặc Lộc	UBND TP Nha Trang	Nha Trang			3928/QĐ-UBND ngày 17/12/2018; 2309/QĐ-UBND ngày 11/8/2024	26.460	26.460					2.388	2.388			2.388	2.388	0	0	0		
V	Quản lý nhà nước									0	0	0	0	16.000	16.000	0	0	16.000	16.000	0	0	0	
1	Xây dựng mới Trụ sở Chi cục Chăn nuôi và Thú y		Nha Trang	2024-2025	126/NQ-HEND ngày 06/11/2024		14.989	14.989		0				14.500	14.500			14.500	14.500	0	0	0	
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm Công báo tỉnh Khánh Hòa		Nha Trang	2024-2025	127/NQ-HEND ngày 06/11/2024		1.551	1.551		0				1.500	1.500			1.500	1.500	0	0	0	
VI	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội									19.200	19.200	0	0	9.300	9.300	0	0	28.500	28.500	0	0	0	
1	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	Công an tỉnh	xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	2023-2025	34/NQ-HEND ngày 11/10/2023	2613/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.519	6.519		6.800	6.800			-300	-300			6.500	6.500	0	0	0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh						Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CDNS địa phương	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)		Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)		
								Vốn NS tỉnh							Vốn NSTW, ODA	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT								Nguồn bội chi NSDP (*)
2	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	2023-2025	66/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2719/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	5.873	5.873		5.900	5.900			-100	-100			5.800	5.800	0	0	0		
3	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh	2023-2025	63/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2717/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	6.258	6.258		6.500	6.500			-300	-300			6.200	6.200	0	0	0		
4	Công trình SH4-KH2022	BCHQS tỉnh		2024-2027	53/NQ-HĐND ngày 31/10/2024		44.000	44.000						10.000	10.000			10.000	10.000	0	0	0		
VII	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư								1.994.300	1.664.300	0	330.000	-1.166.600	-1.370.300	0	203.700	827.700	294.000	0	0	533.700			
1	Di dời và tái định cư khu vực phía đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã	UBND huyện Vạn Ninh	thị trấn Vạn Giã, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh	2023-2025	111/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		261.007	261.007		261.000	61.000		200.000	-61.000	139.000		-200.000	200.000	200.000	0	0	0		
2	Khu tái định cư Vạn Thắng - Giai đoạn 1	UBND huyện Vạn Ninh	xã Vạn Thắng, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	2024-2025	112/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		1.408.000	1.408.000		1.408.000	1.338.000		70.000	-820.300	-1.284.000		463.700	587.700	54.000	0	0	533.700		
3	Mở rộng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Ninh Mã (giai đoạn 2)	UBND huyện Vạn Ninh	xã Vạn Thọ, huyện Vạn Ninh	2024-2025	133/NQ-HĐND ngày 14/12/2023		325.300	325.300		325.300	265.300		60.000	-295.300	-235.300		-60.000	30.000	30.000	0	0	0		
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái (giai đoạn 2)		Nha Trang	2024-2027	121/NQ-HĐND ngày 06/11/2024		303.996	303.996						10.000	10.000			10.000	10.000	0	0	0		
VIII	Lập quy hoạch tỉnh, các chính sách đầu tư công khác theo quy định								150.000	150.000	0	0	89.377	89.377	0	0	239.377	239.377	0	0	0			
1	Vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh								150.000	150.000				87.900	87.900			237.900	237.900	0	0	0		
2	Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Khánh Hòa đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065	Sở Xây dựng				2619/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	1.477	1.477		0				1.477	1.477			1.477	1.477	0	0	0		
IX	Đề án tổng thể giảm nghèo của 2 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh giai đoạn 2021-2025			2021-2025	3349/QĐ-UBND ngày 05/12/2022; 3360/QĐ-UBND ngày 05/12/2022				39.873	39.873	0	0	10.127	10.127	0	0	50.000	50.000	0	0	0			
	Huyện Khánh Sơn								39.873	39.873	0	0	10.127	10.127	0	0	50.000	50.000	0	0	0			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh				Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Vốn CDNS địa phương	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương				Vốn TW hỗ trợ		Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội			
								Vốn NS tỉnh				Vốn NSTW, ODA										Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)
1	Đập dâng Tô Hạp 1	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn	2023-2025	34/NQ-HĐND ngày 09/10/2023	3663/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	50.000	50.000		39.873	39.873			10.127	10.127			50.000	50.000	0	0	0			
X	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện													61.370	61.370	0	0	61.370	61.370	0	0	0			
1	Thị xã Ninh Hòa													35.720	35.720			35.720	35.720	0	0	0	vấn bản số 12392/UBND-KT ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh; Tờ trình số 4424/TTr-UBND ngày 10/10/2024 của UBND TX Ninh Hòa; vấn bản số 12488/UBND-KT ngày 04/11/2024 của UBND tỉnh; Tờ trình số 4310/TTr-UBND ngày 02/10/2024 của UBND TX Ninh Hòa		
2	Huyện Cam Lâm													18.650	18.650			18.650	18.650	0	0	0	vấn bản số 12393/UBND-KT ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh; Tờ trình số 268/TTr-UBND ngày 09/10/2024 của UBND huyện Cam Lâm		
3	Thành phố Cam Ranh													7.000	7.000			7.000	7.000	0	0	0	vấn bản số 11640/UBND-KT ngày 16/10/2024 của UBND tỉnh; Tờ trình số 315/TTr-UBND ngày 12/9/2024 của UBND TP Cam Ranh		
XI	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa													407.500	407.500			407.500	407.500	0	0	0			
XII	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa			2021-2025	32/NQ-HĐND ngày 30/6/2022; 20/NQ-HĐND ngày 02/6/2023; 05/NQ-HĐND ngày 28/3/2024; 123/NQ-HĐND ngày 06/11/2024				385.831	45.046				6.055	6.055			391.886	51.101	340.785	0	0	0		
XIII	Dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong kế hoạch trung hạn								5.568.236	5.428.236	40.000	0	1.656.970	1.556.970	100.000			7.225.206	6.985.206	0	140.000	0			
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (đầu tư theo các ngành, lĩnh vực, chương trình)								2.773.450	2.773.450	0	0	-575.413	-575.413	0	0	2.198.037	2.198.037	0	0	0	0			
I	Nguồn XDCB tập trung								2.773.450	2.773.450				-575.413	-575.413			2.198.037	2.198.037						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh					Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ		Trong đó:			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)			Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQ55 của Quốc hội	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT					Nguồn bội chi NSDP (*)	Nguồn vốn ứng trước kinh phí Nhà nước đầu tư hạ tầng KKT	Nguồn bội chi NSDP (*)	
								Vốn NS tỉnh																Vốn NSTW, ODA
1	Thành phố Nha Trang							576.878	576.878			-202.447	-202.447		374.431	374.431								
2	Thành phố Cam Ranh							296.759	296.759			-50.639	-50.639		246.120	246.120								
3	Huyện Cam Lâm							277.345	277.345			-47.302	-47.302		230.043	230.043								
4	Huyện Diên Khánh							363.322	363.322			-61.484	-61.484		301.838	301.838								
5	Thị xã Ninh Hoà							404.924	404.924			-68.684	-68.684		336.240	336.240								
6	Huyện Vạn Ninh							310.626	310.626			-52.627	-52.627		257.999	257.999								
7	Huyện Khánh Vĩnh							313.400	313.400			-53.299	-53.299		260.101	260.101								
8	Huyện Khánh Sơn							230.196	230.196			-38.931	-38.931		191.265	191.265								

Ghi chú: (*) Nguồn bội chi ngân sách địa phương bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.

